TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 183/2024/HNGĐ-ST. Ngày 16 – 8 – 2024. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Trung Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST – HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 87/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà và ông Võ Văn L chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 31/01/2002. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian từ năm 2018 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con, cách sinh hoạt, tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng không quan tâm đến nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mặc dù vợ

chồng đã nhiều lần hằn gắn và tìm cách giải quyết mâu thuẫn và được gia đình khuyên bảo nhưng không hòa thuận. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Võ Minh T, sinh ngày 24/8/2002 và Võ Cát T sinh ngày 10/04/2012. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận 02 con chung do bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có khối tài sản chung gồm:

- 01 phần đất khoảng 10 công, tại xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng thỏa thuận phần đất này, phân chia cho ông Võ Văn L thừa hưởng.

- 01 ngôi nhà hiện đang sinh sống tại khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng thỏa thuận phần này, phân chia cho bà Nguyễn Thị K thừa hưởng.

- 01 nền nhà ở đường Nguyễn Chí T, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phần này bà nhờ Tòa án giải quyết, nguyện vọng của bà sẽ cho 02 con thừa hưởng.

Về tài sản chung nêu trên để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị K, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình về cách dạy con cái, không có gì nghiêm trọng. Nay ông còn thương vợ và các con, không muốn ly hôn, ông yêu cầu giải quyết để hàn gắn tình cảm vợ chồng để chăm lo cho các con chứ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Võ Minh T, sinh ngày 24/8/2002 và Võ Cát T sinh ngày 10/04/2012. Nếu phải ly hôn, ông cũng đồng ý để con cho bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có các tài sản như bà Kim trình bày là đúng. Ông đồng ý để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn L giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn L chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn ông bà đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng đã tạo điều kiện hoà giải nhưng bà Nguyễn Thị K vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thỏa thuận và hòa giải được với bà Nguyễn Thị K để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hai bên cũng thừa nhận thời gian sau khi Tòa án tiến hành hòa giải đến nay thì mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm chứ không thể hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Võ Văn L.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 24/8/2002 và Võ Cát T sinh ngày 10/04/2012. Ông bà đều thống nhất để hai con chung cho bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung tên Võ Minh T hiện nay đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Võ Cát T hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì cháu Võ Cát T cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị K khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Võ Cát T cho bà Nguyễn Thị K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn L chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị K chưa có yêu cầu. Ông Võ Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung:* Các bên đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định.

[4] *Về nợ chung:* Các bên đều thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Võ Văn L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Cát T (giới tính nữ), sinh ngày 10/04/2012. Ông Võ Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị K chưa có yêu cầu. Ông Võ Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai số 0001014 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện